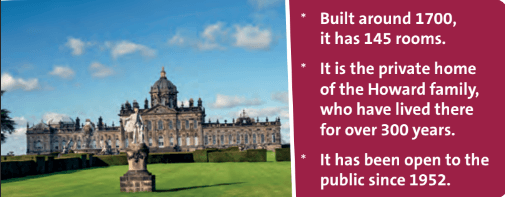
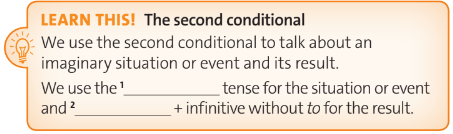
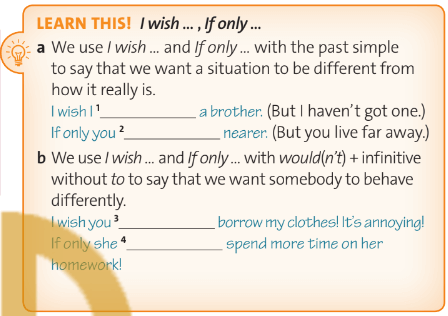
# Unit 4D. Grammar (trang 52)

**Tiếng Anh 11 Unit 4D Grammar trang 52 - Friends Global**  
**1 (trang 52 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Read the fact file about Castle Howard, a stately home in the north of England. Would you like to live in a house like this? Why? / Why not? *(Đọc hồ sơ tài liệu về Lâu đài Howard, một ngôi nhà trang nghiêm ở phía bắc nước Anh. Bạn có muốn sống trong một ngôi nhà như thế này không? Tại sao có? / Tại sao không?)*  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
• Được xây dựng vào khoảng năm 1700, có 145 phòng.  
• Đây là căn nhà riêng của gia đình Howard, họ đã sống ở đó hơn 300 năm.  
• Nó mở cửa cho công chúng từ năm 1952.  
**Gợi ý:**  
Yes, I would like to live in a house like Castle Howard.  
Firstly, the history and grandeur of the house are absolutely fascinating. To live in a home that has been around for over 300 years and has such a rich cultural heritage would be a dream come true. The architecture and design of the building are stunning, with 145 rooms to explore and enjoy. The grounds and gardens are also beautiful, making it an ideal place to relax and unwind.  
Secondly, living in Castle Howard would offer a unique and luxurious lifestyle. The Howard family has undoubtedly created a home that is comfortable and full of character. The estate offers a peaceful and secluded way of life, away from the hustle and bustle of the city. Being able to live in such an idyllic setting would be a privilege, and it would be a pleasure to share it with visitors who come to appreciate the beauty of the house and its surroundings.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Có, tôi muốn sống trong một ngôi nhà như Castle Howard.  
Thứ nhất, lịch sử và sự hùng vĩ của ngôi nhà là cực kì hấp dẫn. Được sống trong một ngôi nhà đã tồn tại hơn 300 năm và có một di sản văn hóa phong phú như vậy sẽ là một giấc mơ trở thành sự thật. Kiến trúc và thiết kế của tòa nhà rất đẹp, với 145 phòng để khám phá và tận hưởng. Khuôn viên và khu vườn cũng rất đẹp, khiến nơi đây trở thành một nơi lý tưởng để thư giãn và nghỉ ngơi.  
Thứ hai, sống ở Castle Howard sẽ mang đến một phong cách sống sang trọng và độc đáo. Gia đình Howard chắc chắn đã tạo ra một ngôi nhà thoải mái và đầy cá tính. Khu nhà mang đến một lối sống yên bình và tách biệt, tránh xa sự hối hả và nhộn nhịp của thành phố. Được sống trong một khung cảnh bình dị như vậy sẽ là một đặc ân và sẽ rất vui khi được chia sẻ điều đó với những vị khách đến để đánh giá cao vẻ đẹp của ngôi nhà và môi trường xung quanh.  
  
**2 (trang 52 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read and listen to the dialogue. What two outdoor and indoor changes do the speakers mention? (Đọc và nghe đoạn đối thoại. Người nói đề cập đến hai thay đổi ngoài trời và trong nhà nào?)  
Audio 2.09  
Alfie: This is an amazing place. I wish I lived here.  
Macy: Me too. If only I were a member of the Howard family!  
Alfie: But if it were my house, I wouldn't allow people to visit.  
Macy: That's mean! You'd get bored on your own.  
Alfie: Oh, I'd let my friends visit, of course. But not the public.  
Macy: If you had a party, you could invite hundreds of people!  
Alfie: I know. The parties would be better if I made a few changes, though.  
Macy: What kinds of changes?  
Alfie: Well, if those trees weren't there, there’d be room for a swimming pool!  
Macy: You could make some changes inside as well. I mean, look at this corridor.  
Alfie: The Antique Passage, you mean?  
Macy: Yes. If you took away all the statues, you could build a great bowling alley there!  
**Hướng dẫn dịch:**  
Alfie: Đây là một nơi tuyệt vời. Tôi ước tôi sống ở đây.  
Macy: Tôi cũng vậy. Giá như tôi là một thành viên của gia đình Howard!  
Alfie: Nhưng nếu đó là nhà của tôi, tôi sẽ không cho phép mọi người đến thăm.  
Macy: Thật là ích kỷ! Bạn sẽ cảm thấy buồn chán khi ở một mình.  
Alfie: Ồ, tất nhiên là tôi sẽ để bạn bè của mình đến thăm. Nhưng không phải công chúng.  
Macy: Nếu bạn tổ chức một bữa tiệc, bạn có thể mời hàng trăm người!  
Alfie: Tôi biết. Tuy nhiên, các bữa tiệc sẽ ổn hơn nếu tôi thực hiện một vài thay đổi.  
Macy: Thay đổi gì vậy?  
Alfie: Chà, nếu không có những cái cây đó thì sẽ có chỗ cho một bể bơi!  
Macy: Bạn cũng có thể thực hiện một số thay đổi bên trong. Ý tôi là, hãy nhìn vào hành lang này đi.  
Alfie: Ý bạn là The Antique Passage à?  
Macy: Đúng vậy. Nếu bạn bỏ đi tất cả các bức tượng, bạn có thể xây dựng một sân chơi bowling tuyệt vời ở đó!  
**Đáp án:**  
- Outdoor changes: removing trees to make room for a swimming pool  
- Indoor changes: taking away statues to build a bowling alley  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Thay đổi ngoài trời: loại bỏ cây cối để nhường chỗ cho bể bơi  
- Thay đổi trong nhà: bỏ đi các bức tượng để xây sân chơi bowling  
  
**3 (trang 52 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Learn this! box and complete it. Underline all the examples of the second conditional in the dialogue. *(Đọc bảng Learn this! và hoàn thành nó. Gạch chân tất cả các ví dụ về câu điều kiện loại hai trong đoạn hội thoại.)*  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. past simple  
  
  
2. would/ could  
  
  
  
  
- The examples of the second conditional in the dialogue: (Các ví dụ của câu điều kiện loại 2 trong đoạn hội thoại):  
But if it were my house, I wouldn’t allow people to visit.  
If you had a party, you could invite hundreds of people!  
The parties would be better if I made a few changes, though.  
Well, if those trees weren’t there, there’d be room for a swimming pool!  
If you took away all the statues, you could build a great bowling alley there!  
**Hướng dẫn dịch:**  
**Learn this! Câu điều kiện loại 2**  
**Chúng ta dùng câu điều kiện loại 2 để nói về 1 hoản cảnh hoặc 1 sự việc không có thật và kết quả của nó.**  
**Chúng ta dùng thì quá khứ đơn cho hoàn cảnh hoặc sự việc và would/ could + động từ nguyên thể không “to” cho kết quả.**  
  
**4 (trang 52 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Complete these second conditional sentences using the verbs in brackets. *(Hoàn thành các câu điều kiện loại hai sau bằng cách sử dụng các động từ trong ngoặc.)*  
1. If I \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (live) in a mansion, I \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (have) parties every week.  
2. If you \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (visit) me, you \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (sleep) in a huge bedroom.  
3. We \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (can) go on long bike rides if the weather \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (be) good.  
4. If the weather \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (not be) good, we \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (watch) movies in the Great Hall.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. lived – would have  
  
  
2. visited – would sleep  
  
  
  
  
3. could – was  
  
  
4. wasn’t – would watch  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
Cấu trúc câu điều kiện loại 2:  
If + S + V(QKĐ) + O, S + would/ could + V-inf + O.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Nếu tôi sống trong một biệt thự, tôi sẽ tổ chức các bữa tiệc hàng tuần.  
2. Nếu bạn đến thăm tôi, bạn sẽ ngủ trong một phòng ngủ lớn.  
3. Chúng tôi có thể đạp xe đường dài nếu thời tiết tốt.  
4. Nếu thời tiết không đẹp, chúng tôi sẽ xem phim ở Great Hall.  
  
**5 (trang 52 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Learn this! box and complete it. Underline one example of *'I wish*...' and one example of *'If only*...' in the dialogue. *(Đọc bảng Learn this! và hoàn thành nó. Gạch chân một ví dụ của cấu trúc 'Tôi ước...' và một ví dụ của cấu trúc 'Giá như...' trong đoạn đối thoại.)*  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. had  
  
  
2. lived  
  
  
3. wouldn’t  
  
  
4. would  
  
  
  
  
**- One example of 'I wish...' in the dialogue:**  
I wish I lived here.  
**- One example of 'If only...' in the dialogue:**  
If only I were a member of the Howard family!  
**Hướng dẫn dịch:**  
Learn this! I wish…(Tôi ước…), If only… (Giá như…)  
a. Chúng ta sử dụng I wish… và If only… với thì quá khứ đơn để diễn tả việc chúng ta muốn hoàn cảnh khác đi so với thực tại.  
I wish I had a brother. (But I haven’t got one.)  
(Tôi ước tôi có anh trai. (Nhưng tôi không có người anh nào cả.))  
If only you lived nearer. (But you live far away.)  
(Giá như bạn sống gần hơn. (Nhưng bạn sống cách xa.))  
b. Chúng ta sử dụng I wish… và If only… với would(n’t) + động từ nguyên thể không “to” để diễn tả việc chúng ta muốn ai đó cư xử khác đi.  
I wish you wouldn’t borrow my clothes! It’s annoying! (Tôi ước bạn sẽ không mượn quần áo của tôi! Nó rất phiền phúc!)  
If only she would spend more time on her homework! (Giá như cô ấy dành nhiều thời gian hơn làm bài tập về nhà!)  
**- Một ví dụ cho cấu trúc 'I wish...' trong cuộc hội thoại:**  
I wish I lived here. (Tôi ước tôi sống ở đây.)  
**- Một ví dụ cho cấu trúc 'If only...' trong cuộc hội thoại:**  
If only I were a member of the Howard family! (Giá như tôi là 1 thành viên trong gia đình Howard.)  
  
**6 (trang 52 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Complete the first line of each mini-dialogue with the verbs in brackets. Use the past simple or *would / could* + infinitive without *to*. Complete the other lines with the second conditional. *(Hoàn thành dòng đầu tiên của mỗi đoạn hội thoại nhỏ với các động từ trong ngoặc. Sử dụng thì quá khứ đơn hoặc would/ could + động từ nguyên thể không to. Hoàn thành các dòng khác với điều kiện loại hai.)*  
A: I wish my dad (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (come) home.  
B: Why?  
A: Because he (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (give) us a lift into town if he (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (be) here.  
A: If only you (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (live) near the town centre.  
B: Why?  
A: Because if your house (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (be) near the centre, we (6) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (get) the same bus to school.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. would come  
  
  
2. would give  
  
  
3. was/ were  
  
  
  
  
4. lived  
  
  
5. was/ were  
  
  
6. would get  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
- Cấu trúc câu điều kiện loại 2:  
If + S + V(QKĐ) + O, S + would / could + V-inf + O.  
- Cấu trúc với “If only/ I wish”:  
If only / I wish + S + V(QKĐ) + O.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Tôi ước bố tôi sẽ về nhà.  
B: Tại sao?  
A: Bởi vì ông ấy sẽ đón chúng tôi vào thị trấn nếu ông ấy ở đây.  
A: Giá như bạn sống gần trung tâm thị trấn.  
B: Tại sao?  
A: Bởi vì nếu nhà bạn ở gần trung tâm, chúng ta sẽ đi cùng chuyến xe buýt tới trường.  
  
**7 (trang 52 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING In pairs, talk about what you would do if you *(Theo cặp, nói về những gì bạn sẽ làm nếu bạn.)*  
1. owned Castle Howard. (sở hữu lâu đài Howard.)  
2. had a swimming pool in your garden. (có hồ bơi trong vườn.)  
3. gave a party for hundreds of people. (tổ chức itệc cho hàng trăm người.)  
4. had to allow the public into your home. (phải cho phép mọi người vào trong nhà bạn.)  
If I owned Castle Howard, I would ... (Nếu tôi sở hữu lâu đài Howard, tôi sẽ…)  
**Gợi ý:**  
- If I owned Castle Howard, I would definitely make some changes to the interior design to make it more modern while still preserving its historical charm.  
- If I had a swimming pool in my garden, I would invite my friends over for pool parties during the summer months.  
- If I gave a party for hundreds of people, I would first plan out all the details, such as the guest list, food and drinks, music, and decorations.  
- If I had to allow the public into my home, I would provide guided tours to ensure that visitors are able to fully appreciate and understand the history and significance of my home.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Nếu tôi sở hữu Lâu đài Howard, tôi chắc chắn sẽ thực hiện một số thay đổi đối với thiết kế nội thất để khiến cho nó hiện đại hơn mà vẫn giữ được nét đẹp lịch sử.  
- Nếu tôi có một bể bơi trong vườn, tôi sẽ mời bạn bè đến dự tiệc bể bơi trongsuốt những tháng hè.  
- Nếu tôi tổ chức một bữa tiệc cho hàng trăm người, trước tiên tôi sẽ lên kế hoạch chi tiết, chẳng hạn như danh sách khách mời, thức ăn và đồ uống, âm nhạc và trang trí.  
- Nếu tôi phải cho phép mọi người vào nhà của mình, tôi sẽ cung cấp các chuyến tham quan có hướng dẫn viên để đảm bảo rằng du khách có thể đánh giá và hiểu đầy đủ về lịch sử cũng như ý nghĩa của ngôi nhà của tôi.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 4A. Vocabulary (trang 48, 49)  
Unit 4B. Grammar (trang 50)  
Unit 4C. Listening (trang 51)  
Unit 4E. Word Skills (trang 53)  
Unit 4F. Reading (trang 54, 55)  
Unit 4G. Speaking (trang 56)  
Unit 4H. Writing (trang 57)  
Unit 4I. Culture (trang 58)  
Review Unit 4 (trang 59)  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit I: Introduction  
Unit 1: Generations  
Unit 2: Leisure time  
Unit 3: Sustainable health